



Ôn tập ERP 1 - note

Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) (Trường Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)



Scan to open on Studocu

Câu hỏi ôn tập ERP

1. Câu 1
Khách hàng A có mã (customer number) là 25100, được tạo trong hệ thống ERP bởi nhân viên gbi-001. Dữ liệu về khách hàng này được gọi là:
Organization data
Master data
Transaction data
Tất cả các đáp án trên đều đúng
2. Ý nghĩa của bước thanh toán (Customer payment):
Giảm tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng của công ti
Giảm tổng khoản phải trả của khách hàng
Giảm tổng khoản phải thu của khách hàng
3. Điều nào sau đây là cốt lõi của hệ thống ERP
Con người, nhân viên sử dụng
Khách hàng
Thông tin
Cơ sở dữ liệu
4. Phát biểu nào sau đây đúng về ERP
ERP xuất phát điểm là hỗ trợ sản xuất
ERP xuất phát điểm là hỗ trợ kế toán
Hệ thống sử dụng cơ sở dữ liệu tập trung
Tích hợp toàn vẹn các chức năng như bán hàng, mua hàng, sản xuất, kế toán, vật tư
5. Recorder Point trong hệ thống Odoo thể hiện ý nào sau đây
Thể hiện chiến lược sản xuất MTO and MTS
Thể hiện khái niệm lot-sizing trong mô hình Guttenberg
(Min,max) thể hiện khi tồn kho giảm tới mức Min thì lượng đặt hàng sao cho đạt tồn kho ở mức Max
6. Trong Product Master Data chứa thông tin của nhà cung cấp là để
Bắt buộc phải chọn nhà cung cấp trong danh sách này khi tạo thông tin mua hàng
Hệ thống tự động lựa chọn nhà cung cấp khi tạo thông tin mua hàng
Lưu thông tin, số lượng hàng đặt tối thiểu với nhà cung cấp này
Lưu thông tin thời gian từ lúc đặt hàng đến lúc nhận hàng với nhà cung cấp này
7. Work center là
Là nhóm công nhân hoặc máy móc có chức năng
Chứa thông tin về năng lực sản xuất như Efficient factor, Before and After produce
Một Workcenter có thể làm 1 hoặc nhiều operation
Chứa thông tin về các hoạt động sản xuất(operation)
8. Phát biểu nào sau đây đúng về Master Data và Transaction Data
Master data phát sinh liên tục trong quá trình vận hành hệ thống
Product is Transaction data
Transaction data chứa thông tin về master data
Master data là dữ liệu cơ sở dùng chung cho nhiều phòng ban

9. Phát biểu nào sau đây đúng cho bước thanh toán-Payment của quy trình mua hàng
 Tăng tiền(ngân hàng hoặc tiền mặt)
Giảm tiền(ngân hàng hoặc tiền mặt)
Đây là trách nhiệm của kế toán
Giảm tổng phải trả cho nhà cung cấp
10. Hệ thống nào bên dưới hỗ trợ hoạch định các yêu cầu sản xuất và tối ưu hóa hoạt động vận chuyển Material và dịch vụ hậu cần
 Supply chain Management
11. Đối tượng nào sau đây không thuộc đơn hàng bán
Nhà cung cấp
 Mặt hàng
 Khách hàng
 Đơn giá
12. MPS(master procurement scheduling) dùng để
 Dùng để dự báo nhu cầu sản xuất
Hoạch định số lượng thành phẩm cần mua(purchase với doanh nghiệp thương mại)
Hoạch định số lượng cần sản xuất
 Hoạch định số lượng cần chuyển giữa các kho
13. Danh sách gom hàng(packing List) trong lúc xuất kho bán hàng chứa các thông tin chi tiết nào sau đây
Công nhân được phân công gom
 Đơn giá bán
Gom cho đơn hàng nào
Vị trí và số lượng món hàng cần gom
14. Mô tả nào sau đây đúng về Transaction data
 Dữ liệu được phát sinh sau khi người sử dụng tạo thành công dữ liệu về material
 Dữ liệu được phát sinh sau khi người sử dụng tạo thành công cấu trúc tổ chức
Dữ liệu được phát sinh sau khi người sử dụng hoàn tất 1 xử lý hay thao tác
 Dữ liệu được phát sinh sau khi người sử dụng tạo thành công dữ liệu về vendor và customer
15. Xác nhận thực hiện sản xuất trong qui trình thực thi lệnh sản xuất là để
Cập nhật số lượng tài nguyên sử dụng
 Xác thực số lượng hàng xuất bán
Cập nhật số lượng thành phẩm hoặc bán thành phẩm đã hoàn thành
Cập nhật thời gian xuất thực
16. Việc đánh giá nhà cung cấp dựa vào
Giá bán của nhà cung cấp
Mức độ giao nhận hàng của nhà cung cấp
Chất lượng hàng hóa của nhà cung cấp
 Số lượng nhân viên của nhà cung cấp
17. Phát biểu nào sau đây là đúng về Master data và Transaction data
 Master data phát sinh liên tục trong quá trình vận hành hệ thống
Transaction data chưa thông tin về master data
Master data là cơ sở dữ liệu dùng chung cho nhiều phòng ban

18. Phát biểu nào sau đây không đúng
 Kế toán phải trả không liên quan đến quá trình bán hàng
Chi phí là những gì công ty nợ người khác, bao gồm tiền nợ các nhà cung cấp và các khoản vay của các tổ chức tài chính
 Kế toán phải thu liên quan đến khách hàng
 Trong kế toán phải thu, khi thực hiện thanh toán, tài khoản ngân hàng được ghi nhận
19. Good issue(chuyển kho nguyên vật liệu) trong quá trình thực thi lệnh sản xuất để
Giảm tồn kho nguyên liệu
 Xuất hàng từ kho thành phẩm đến kho khách hàng
Di chuyển nguyên vật liệu từ kho nguyên liệu đến nơi sản xuất
20. Sự khác biệt cơ bản trong một tổ chức, trước và sau khi triển khai ERP
 Cơ sở dữ liệu giữa các phòng ban có thể chia sẻ cho nhau
 Cơ sở dữ liệu tập trung cho tất cả các phòng ban
 Các phòng ban có thể không dùng chung vị trí địa lý
Tất cả đều đúng
21. Trong qui trình sản xuất dữ liệu nào sau đây là Transaction data
Production Order(Manufacturing Order)
 Work center
 Production information
 Bill of material
22. Hoạch định chương trình sản xuất(Planning of Production Program) là:
 Quyết định số lượng nguyên vật liệu cần mua
Ấm chỉ chiến lược sản xuất MTO and MTS
 Các đáp án đều sai
 Quyết định số lượng nguyên vật liệu cần sản xuất
23. Customer lead time thể hiện khoản thời gian nào sau đây
 Thời gian trung chuyển
 Thời gian gom hàng và đóng gói
Thời gian giao hàng hứa với khách khi nhận đơn hàng
 Thời gian chất hàng
24. Câu nói sau mô tả quy trình nghiệp vụ nào:” ...sử dụng dữ liệu lịch sử và dự báo bán hàng để lên kế hoạch mua sắm nguyên vật liệu và sản xuất sản phẩm”
 Production process
 Procurement process
 Fulfilment Process
Material Planing
25. Loại kế toán nào sau đây liên quan trực tiếp đến customer
Accounts receivable accounting
 Asset accounting
 General ledger accounting
 Accounts payable accounting
26. Tài khoản phải trả 331 dùng để ghi nhận công nợ của đối tượng nào(tài khoản phải thu 131 KH)
NCC KH

Đối tượng khác Nhân viên

27. . Mô tả nào là đúng về khái niệm của Master data
Mô tả dữ liệu hoạch định chiến lược của tổ chức
Mô tả dữ liệu phát sinh từ phân hệ bán hàng và mua hàng
Mô tả dữ liệu về cấu trúc phân cấp trong tổ chức
Mô tả đối tượng, thực thể chính có liên kết với tổ chức và xuất hiện trong nhiều bước xử lý nghiệp vụ
28. Ý nghĩa của bước xuất hóa đơn(Invoice Customer)
Hóa đơn nhập được tạo ra và được kế toán xác thực lại
Đây là bước chuyển giao giữa bán hàng và kế toán
Tăng tổng khoản phải trả của khách hàng
Tăng tổng khoản phải thu của khách hàng
29. Đối tượng nào dùng để liên kết phân hệ bán hàng và sản xuất
Packing list
Delivery order
Manufacture Order
Procurement
30. Để tính toán kích cỡ lô hàng theo khái niệm “Lot-sizing” ta có cách nào sau đây thuộc static
Vào mỗi cuối kì tiến hành đặt hàng bằng với tồn số lượng cần thiết trong kỳ
Đặt hàng sao cho tồn kho đạt mức tối đa mỗi khi tồn kho giảm đến điểm Reorder point
Đặt hàng với số lượng thay đổi lệ thuộc vào nhu cầu nhằm tối ưu tồn kho
Đặt hàng với số lượng cố định mỗi khi tồn kho giảm đến điểm Reorder point
31. Trong khái niệm MRP nguyên thủy(Material Requirement Planning) sử dụng các yếu tố nào làm đầu vào
BOM
Tồn kho
Các order(sale order, purchase order, Manufacturing order)
Work center
32. Hoạch định số lượng sản xuất- Planning of Quantities là
Quyết định nguyên vật liệu cần sản xuất-MRP
Quyết định ngày , giờ chi tiết, lịch trình sản xuất của một lệnh sản xuất
Quyết định số lượng thành phẩm cần sản xuất-MPS
Quyết định kích cỡ lô hàng cần mua- Lot-sizing
33. Khiếm khuyết nào sau đây của MRP nguyên thủy(Material Requirement Planning)
Không tính số nguyên vật liệu cần thiết
Không quan tâm đến năng lực sản xuất
Không quan tâm đến tồn kho
Không hỗ trợ lên kế hoạch tổng hợp(SOP)
34. Bước đầu tiên của sản xuất là
Receive Finished good(4)
Authorize Production(2)
Creat Product(3)
Request Production(1)

35. Điều độ sản xuất và hoạch định là
 Âm chỉ việc điều phối sản xuất cho các work center được cân bằng
Dùng BOM, routing, work center để tính toán lead time
Âm chỉ hoạch định lịch trình sản xuất, ngày giờ bắt đầu và kết thúc
 Kiểm soát lệnh sản xuất
36. Nhóm chứng từ nào sau đây là các Transaction data tạo ra từ qui trình bán hàng Order-to-cash
 Purchase requisition, planned order, production order, good receipt, goods issue
Customer inquiry, Quotation, Sales order, Outbond delivery document, packing list, good issue, invoice, confirmation of payment
 Purchase requisition, request for quotation, quotation, Purchase order, Goods receipt, packing list, invoice, confirmation of payment
 Không có nhóm nào đúng cả
37. Báo giá(Quotation)
 Chỉ có thông tin về giá bán ứng với số lượng bán, không có thông tin khác như chiết khấu thuế
Có thể có nhiều bảng báo giá dành cho khách hàng
Ràng buộc khách hàng phải mua với mức giá công ty đưa ra
Đưa ra thông báo về giá ứng với số lượng và trong thời gian nhất định
38. Khi hệ thống thực hiện chức năng MRP hay còn gọi là MRP run có thể
Tạo ra yêu cầu mua hàng
 Tạo ra yêu cầu báo giá(RFQ)
Tạo lệnh sản xuất(manufacturing Order)
 Tạo phiếu xuất kho Delivery Order
39. Sơ đồ sau là của qui trình nào
 RECEIVE CUSTOMER ORDER-> PREPARE SHIPMENT-> SEND SHIPMENT-> SEND INVOICE TO CUSTOMER-> RECEIVE PAYMENT
Bán hàng
 Mua hàng
 Nhập kho
 Sản xuất
40. Quy trình nào liên quan tới việc tạo ra sản phẩm
 Procurement Process
Production Process
 Lifecycle Data Management
 Material Planning
41. Các bài học nào sau đây của Hammer là đúng về việc tái thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp
Gom các nhóm hoạt động(nhân viên) phối hợp với nhau để tạo ra giá trị cho Khách hàng
Một quy trình đơn lẻ không tạo ra giá trị.Ví dụ: bán hàng rất tốt nhưng ở bước hậu mãi lại hời hợt(do không có được thông tin từ phòng bán hàng)
 Hệ thống công nghệ thông tin phá vỡ rào cản giữa các phòng ban
 Tổ chức doanh nghiệp theo hướng chức năng tra tấn khách hàng.Ví dụ như ở bệnh viện

42. Hệ thống cấu hình như sau: Supply là Buy, Procurement Method là MTO, không Reorder Point Rule, Tồn kho 20, đơn đặt hàng là 30. Số lượng mua hàng là bao nhiêu
 10
 Lỗi ngoại tệ
30
 20
43. Loại kế toán nào sau đây liên quan trực tiếp đến customer
 General ledger accounting
 Accounts payable accounting
 Asset accounting
Accounts receivable accounting
44. Khi khách hàng nhận hàng từ công ty . Khách hàng muốn biết chuyển hàng này là cho lệnh mua hàng nào(Purchase Order) của Khách hàng thì phía công ty phải làm sao hỗ trợ khách hàng
Sử dụng Reference code trong phiếu xuất kho(Delivery Order) để lưu mã đơn hàng(Purchase Order) của khách hàng
 Không cần kiểm tra, cứ giao hàng
 Không có cách nào
 Cùng với khách hàng rà soát lại các đơn mua hàng(Purchase Order) của khách hàng
45. Phát biểu nào sau đây là đúng về Customer master Data
Khái niệm ship2party ám chỉ người nhận hàng, và đây là địa chỉ của người liên hệ trong Customer Master Data
Chứa thông tin về người liên hệ
Partner Master Data vừa mang ý nghĩa là Customer master Data vừa là Supplier Master Data
 Tổng khoản phải trả được lưu trong Customer Data
46. Việc xác thực hóa đơn nhà cung cấp – Invoice Verification sẽ đối chiếu thông tin nào sau đây
 Số lượng trong Delivery
Thực nhận trong bước nhận hàng (Incoming Shipment)
Giá và số lượng trong mua hàng(Purchase Order)
Đơn giá và tổng của hóa đơn nhà cung cấp đưa
47. Hạn mức tín dụng(Credit Limit) nghĩa là
 Giá trị của đơn hàng phải nhỏ hơn mức tín dụng
 Giá trị mặt hàng tối đa mà khách hàng có thể mua
 Tổng khoản phải thu của khách hàng nhỏ hơn mức tín dụng
 Giới hạn tổng khoản phải trả của Khách hàng
48. Trong khái niệm MRP nguyên thủy sử dụng yếu tố nào là đầu vào
BOM
 Tồn kho
Các order(Sale order, Purchase Order, Manufacturing..)
 Work Center

49. Qui trình bán hàng Order-to-cash tạo ra các dữ liệu về báo giá, hóa đơn gửi cho khách hàng, biên nhận thanh toán,... các dữ liệu này được gọi là
 Master data
 Organization data
 Tất cả các câu trên đều đúng
Transaction Data
50. ETO- Engineer to Order: thiết kế theo đơn hàng
 Thiết kế theo nhu cầu dự báo
Khách hàng chờ trong 1 khoản thời gian dài
Thiết kế và sản xuất theo đơn đặt hàng
51. Danh sách gom hàng trong lúc xuất kho bán hàng chưa thông tin cần thiết nào sau đây
Công nhân được phân công gom
 Đơn giá bán
Gom cho đơn hàng nào
Vị trí và số lượng từng món hàng cần gom
52. Hoạch định chương trình sản xuất(Planning of Production Program)
 Các đáp án trên đều sai
Ấm chỉ chiến lược MTO and MTS
 Quyết định số lượng nguyên vật liệu cần mua
 Quyết định số lượng nguyên vật liệu cần sản xuất
53. Giá bán của sản phẩm cấu hình ở
 Trong cost price trong Product Master Data
 Trong Price list Master data
Trường Sale Price trong Product Master Data
 Không có đáp án
54. Lệnh sản xuất chứa thông tin nào sau đây
 Product Price
Routing
BOM
Location
55. Bill Of Material
Để tính toán nguyên vật liệu cần thiết để sản xuất
Cấu trúc dạng cây thể hiện các thành phần sản phẩm
 Chứa thông tin về các bước hình thành sản phẩm
 Chứa thông tin về thời gian sản xuất
56. Các Transaction nào sau đây là 1 phần của quy trình mua hàng
 Master Procurement Scheduling
Request for Quotation
Delivery Order
Purchase requisition
57. Hoạt động nghiệp vụ (Business Process) nào mà mọi loại doanh nghiệp đều có
 Hoạt động sản xuất
 Hoạt động bán hàng
 Hoạt động hỗ trợ khách hàng/ **Hoạt động kế toán**

58. Các mô tả nào sau đây nói về nguồn lực doanh nghiệp
- Vốn chủ sở hữu
 - Nhân sự các quy trình nghiệp vụ
 - Cơ sở hạ tầng vật chất, trang thiết bị vật chất, phần mềm hạ tầng viễn thông
- Tất cả các câu trên đều đúng**
59. Các hoạt động nào sau đây thuộc bước tiền bán hàng
- Tạo bảng báo giá**
 - Tạo đơn đặt hàng
 - Tạo các đầu mối và cơ hội**
 - Tạo các thông tin cuộc gọi, họp mặt**
60. Chi phí nào là chi phí triển khai ERP
- Phần cứng
 - Đào tạo
 - Tư vấn
- Tất cả các ý trên**
61. Chứng từ nào sau đây không thuộc quy trình sản xuất
- Đơn bán hàng**
 - Lệnh sản xuất
 - Phiếu nhập kho thành phẩm
 - Phiếu xuất kho nguyên vật liệu
62. Các thông tin nào lưu trong Supplier master data
- Tổng khoản phải trả**
 - Tổng khoản phải thu
 - Thông tin người liên hệ**
 - Hạn mức tín dụng**
63. Phát biểu nào sau đây là đúng về quản trị khoa học của Federic taylor(Nhiều đáp án thì chọn BC, 1 thì chọn C
- Học thuyết góp phần biến đổi bộ phận ban thành thành các pháo đài điều này tốt cho hoạt động của công ty
 - Hoạt động đơn giản nên nhân công gái rẻ vì không cần thiết chất xám**
 - Chia nhỏ công việc thành các hoạt động đơn giản để góp phần tăng hiệu suất chất xám**

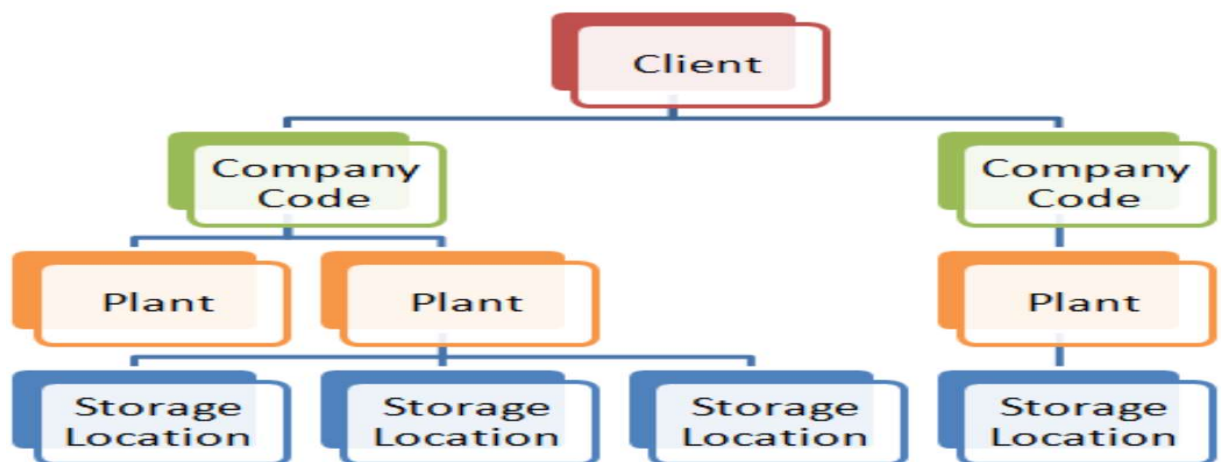
Lý thuyết

1. Transaction Data :Dữ liệu được phát sinh sau khi người dùng hoàn tất 1 xử lý hay thao tác.
2. Master data mô tả đối tượng/thực thể chính có liên kết với tổ chức và xuất hiện tại nhiều bước xử lý/ng nghiệp vụ.
3. Sự khác nhau giữa transactiondata và master data:

Sự khác nhau	Master Data	Transaction Data
Định nghĩa	<ul style="list-style-type: none"> Đại diện cho các đối tượng kinh doanh có chứa thông tin có giá trị nhất, được thống nhất và chia sẻ trong tổ chức. 	<ul style="list-style-type: none"> Được cập nhật định kỳ khi có thông tin mới, không đồng bộ theo thời gian và được chia sẻ trong các phòng ban có liên quan.
Nền tảng	<ul style="list-style-type: none"> Là dữ liệu đại diện cho con người, địa điểm hoặc tất cả những gì có liên quan đến tổ chức. 	<ul style="list-style-type: none"> Là dữ liệu được sử dụng bởi Master Data, liên quan đến các giao dịch của doanh nghiệp.
Biến động	<ul style="list-style-type: none"> Không thay đổi, cố định. 	<ul style="list-style-type: none"> Thay đổi thường xuyên.
Vấn đề	<ul style="list-style-type: none"> Có các vấn đề liên quan đến tính nhất quán. 	<ul style="list-style-type: none"> Có các vấn đề liên quan đến tính logic và số lượng.
Ví dụ	<ul style="list-style-type: none"> Thông tin về khách hàng Thông tin về sản phẩm Thông tin về nhân viên,... 	<ul style="list-style-type: none"> Giá cả Khuyến mãi Phương thức thanh toán,...

4. Organizational data: <https://toilamkythuat.com/tu-hoc-sap-phan-he-MM-phan-2-to-chuc-doanh-nghiep-phan-tiep-theo-29.html>

*Organizational data mô tả dữ liệu về cấu trúc của tổ chức.



*Client là một tổ chức và pháp nhân trong hệ thống [SAP](#).

* “company code” là đơn vị tổ chức nhỏ nhất có thể tạo ra một bộ tài khoản hoàn chỉnh, khép kín.

*Plant : Địa điểm kho.

Plant đóng vai trò cực kỳ quan trọng như sau:

- **Material valuation**
Nếu mức định giá là plant, thì kho nguyên liệu được định giá ở mức plant và bạn có thể xác định giá vật liệu cho từng plant. Mỗi plant có thể xác định tài khoản riêng của mình.
- **Inventory management**
Tồn kho nguyên liệu được quản lý trong một plant
- **Material requirements planning**
Yêu cầu vật liệu được lên kế hoạch cho từng plant. Mỗi plant có dữ liệu lập kế hoạch yêu cầu vật liệu (MRP) riêng. Phân tích MRP có thể được thực hiện trên các plant.
- **Costing**
- **Plant maintenance**

* Organizational data nào sau đây đại diện cho thực thể pháp lý, chịu trách nhiệm hạch toán và báo cáo tài chính riêng biệt : Company code.

5. Các loại sản phẩm:

Raw material : sản phẩm thô.

Semifinished Goods : bán thành phẩm.

Finished Goods : thành phẩm

Trading goods : sản phẩm chuyển từ nhà cung cấp thẳng qua cho khách hàng.

6. Các hệ thống:

Product Lifecycle Management: Hệ thống nào bên dưới quản trị hoạt động nghiên cứu, thiết kế và quản lý sản phẩm.

Supply Chain Management: Hệ thống nào bên dưới hỗ trợ hoạch định các yêu cầu sản xuất và tối ưu hóa hoạt động vận chuyển material và dịch vụ hậu cần (logistic).

7. Các phân hệ:

Bán hàng (fulfillment/sales process)

Mua hàng (procurement/buying process)

Nhập kho (inventory process)

Sản xuất (production process)

8. Phân hệ sản xuất:

❖ MTO: Make To Order – Sản Xuất Theo Đơn Đặt Hàng

❖ ETO: Engineer To Order – Thiết Kế Theo Đơn Hàng

❖ ATO: Assemble To Order – Lắp Ráp Theo Đơn Hàng

❖ MTS: Make To Stock – Sản Xuất Để Tồn Kho

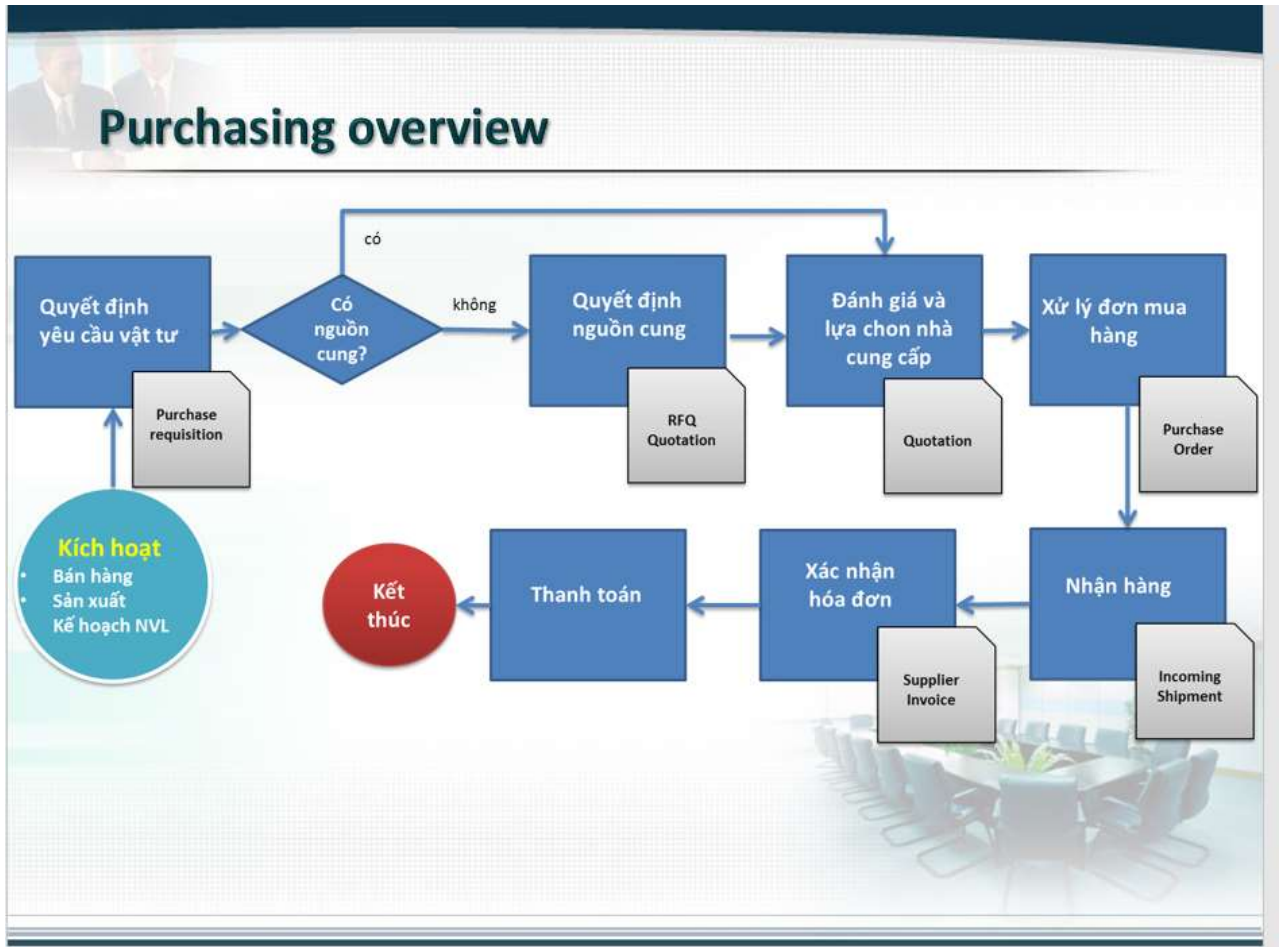
*Master data:

- Thông tin sản phẩm
- Routing : quy trình sản xuất.
- BOM(bill of material): **Định mức nguyên vật liệu (BOM)** là một danh sách bao gồm các nguyên liệu thô, thành phần và linh kiện cần thiết để xây dựng, sản xuất hoặc sửa chữa một sản phẩm hoặc dịch vụ. Một hóa đơn nguyên vật liệu thường xuất hiện theo định dạng phân cấp.
- Work center: một địa điểm trong nhà máy nơi thực hiện các công việc giá trị gia tăng.
 - + WC được dùng để thể hiện năng lực : nhân công, máy móc, khả năng sản xuất, khí thải..
- Lot Sizing: định cỡ lô.
 - + Phương pháp định cỡ lô tĩnh(Lot sizing static) bao gồm việc đặt hàng một số lượng cố định hoặc số lượng yêu cầu chính xác cho ngày cần thiết.
 - + Định cỡ lô định kỳ(Lot sizing period) nhóm một số yêu cầu trong một khoảng thời gian với nhau để tạo thành một lô. Quy trình định cỡ lô định kỳ có hiệu quả khi được sử dụng với các mặt hàng rẻ khi chi phí hàng tồn kho thấp.
 - + Định cỡ lô động(Lot sizing dynamic) xem xét ảnh hưởng của nhu cầu tích lũy theo thời gian để xác định số lượng đặt hàng tốt nhất. Khi những tiến bộ về thời gian và các yêu cầu sản xuất mới đối với nguyên liệu đầu vào được biết đến, các đơn đặt hàng đã lên kế hoạch đã phát triển trước đó có thể sẽ thay đổi. Đây cũng có thể là kết quả của sự thay đổi dự báo.

*Transaction data:

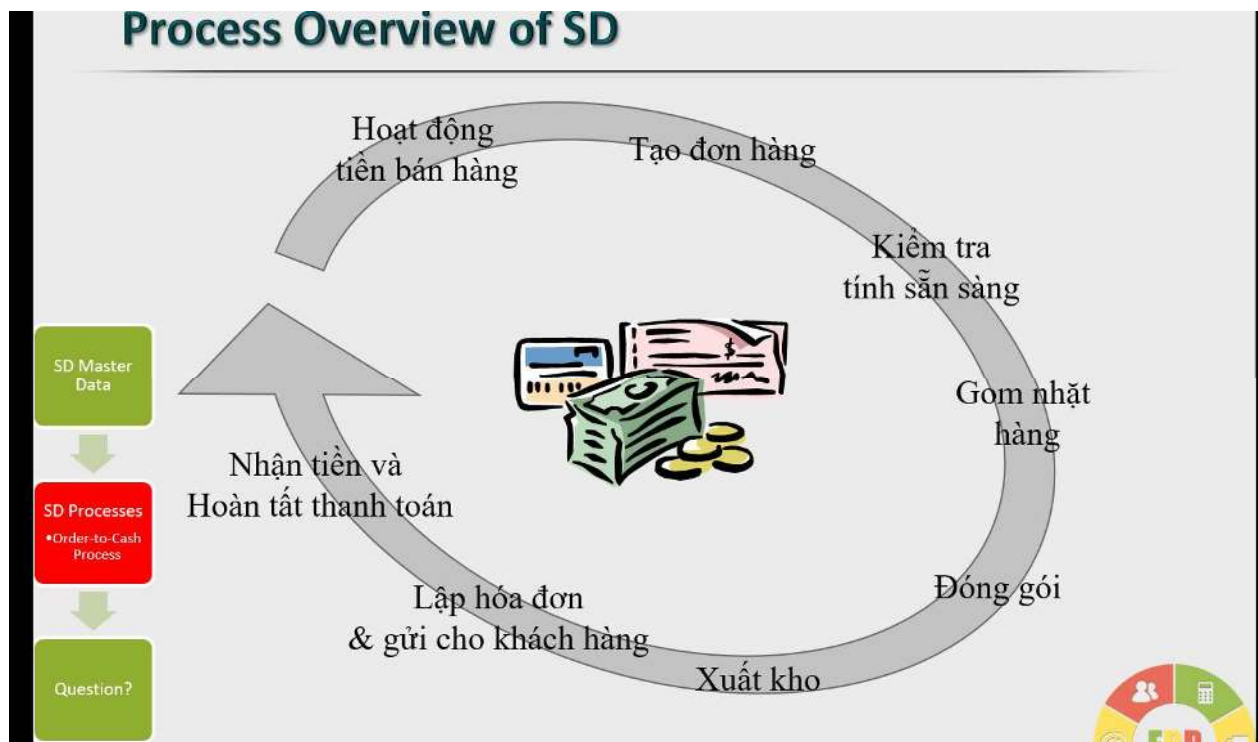
- Procurement : nhu cầu cung ứng. Gồm:
 - + Nhu cầu sản xuất: tạo lệnh sx
 - + Nhu cầu di chuyển: điều chuyển nội bộ, xuất kho..
 - + Nhu cầu mua hàng:
 - + Nhu cầu phục vụ sản xuất của MPS.
 - Lệnh sản xuất: (MO manufacturing order). Là dữ liệu giao dịch cốt lõi của quy trình sản xuất. MO chứa toàn bộ thông tin để nhà quản lý lập kế hoạch và kiểm soát quá trình sản xuất.
 - Picking list: danh sách nguyên vật liệu mà kho cần cung ứng cho MO.
 - Kết quả lệnh sản xuất
9. Phân hệ kế toán:
- Financial accounting : được thiết kế để thu thập dữ liệu giao dịch cho việc làm báo cáo tài chính.
 - Báo cáo tiêu chuẩn gồm:
 - + Balance Sheet: bảng cân đối kế toán.
 - + Income Statement: Báo cáo doanh thu lợi nhuận.
 - + Statement of Cash Flows-Báo cáo dòng tiền.
 - + Input Output Inventory report – Báo cáo nhập xuất tồn kho.
 - Tài khoản: Bộ tài chính quy định mã số cho các loại tài khoản.

- Định khoản : bút toán- nghiệp vụ ảnh hưởng như thế nào đến kế toán – tăng giảm của những tài khoản. Có các loại tài sản cơ bản :
 - + TK chứa tài sản 1,2,6,8 : Tăng ghi bên Nợ - Giảm ghi bên Có.
 - + TK chứa nguồn vốn : 3,4,5,7: Tăng ghi bên Có – Giảm ghi bên Nợ.
 - Sổ nhật ký: để ghi lại toàn bộ các nghiệp vụ phát sinh tại doanh nghiệp theo trình tự thời gian và theo từng nhóm chức năng như mua hàng, bán hàng, hoàn tiền,...
 - Bút toán sổ nhật ký: là việc ghi nhận vào trong sổ nhật ký sự thay đổi(nợ, có) của các tài khoản.
 - Master data:
 - + Customer & Supplier Master data.
 - + Account Receivable Master data: tài khoản phải thu – 131
 - + Account Pay able Master data: tài khoản phải trả – 331.
 - Bảng cân đối :
 - + Assets : tài sản.
 - + Liabilities: nợ
 - + Equity : Vốn chủ sở hữu.
- ⇒ Tài sản(ngắn hạn + dài hạn) = Nguồn vốn(Nợ + vốn chủ sở hữu).
10. Phân hệ mua hàng:
- ❖ Quy trình mua hàng:
 - Yêu cầu mua hàng.
 - Yêu cầu báo giá.
 - Chọn lựa nhà cc.
 - Tạo đơn mua hàng.
 - Thông báo đến nhà cc.
 - Vận chuyển từ nhà cc.
 - Nhận hàng.
 - Xác thực hóa đơn mua hàng.
 - Thanh toán.
 - ❖ Master data:
 - Partner Master Data.(vendor master data)
 - Price List
 - Material Master Data: Giá mua(cost price).



Hình 1. Quy trình mua hàng.

- ❖ Ảnh hưởng của Good receipt:
 - Bản nháp hóa đơn.
 - Cập nhật số lượng tồn kho.
 - Giá trị tồn kho được cập nhật.
 - Trạng thái đơn mua hàng được cập nhật.
 - Phiếu xuất kho có thể được tạo.
 - ❖ Invoice verification:
 - Cần đối chiếu với purchase order và goods receipt khi xác thực.
 - Sau khi xác minh:
 - + Đơn mua hàng được cập nhật.
 - + Giá vốn được cập nhật.
 - + Hóa đơn được tạo.
11. Phân hệ bán hàng:
- ❖ Quy trình bán hàng:



- ❖ Master data:
 - + Khách hàng.
 - + Sản phẩm/ vật liệu.
 - + Giá.
- ❖ Transaction data:
 - + Cơ hội.
 - + Báo giá.
 - + Đơn hàng bán.
 - + Phiếu xuất kho.
 - + Hóa đơn.

12. Phân hệ kho: Có chức năng chính là mua hàng + quản lý kho